

# PHẦN HAI

## GỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN TOÁN LỚP 3

---

### A – MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN TOÁN LỚP 3

Dạy học Toán 3 nhằm giúp HS :

1) Biết đếm (từ một số nào đó, đếm thêm một số đơn vị,...) trong phạm vi 100 000.

2) Biết đọc, viết các số trong phạm vi 100 000.

3) Biết so sánh và sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.

4) Biết thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 100 000, bao gồm :

– Học thuộc các bảng tính và biết tính nhẩm trong phạm vi các bảng tính hoặc trong các trường hợp đơn giản, thường gặp về cộng, trừ, nhân, chia.

– Biết thực hiện phép cộng, phép trừ với các số có đến năm chữ số.

– Biết thực hiện phép nhân số có ba hoặc bốn chữ số với số có một chữ số.

– Biết thực hiện phép chia số có đến năm chữ số cho số có một chữ số (chia hết hoặc chia có dư).

5) Biết tính giá trị các biểu thức số có đến hai dấu phép tính (có hoặc không có dấu ngoặc).

6) Biết tìm một thành phần chưa biết của phép tính.

7) Biết tìm một trong các phần bằng nhau của một số (trong phạm vi các phép chia đơn giản đã học).

8) Biết đo và ước lượng các đại lượng thường gặp, bao gồm :

– Có hiểu biết ban đầu về *hệ thống đơn vị đo độ dài*, mối quan hệ giữa một số đơn vị đo độ dài thường gặp, biết sử dụng các dụng cụ đo độ dài để đo độ dài và biết ước lượng các độ dài (trong trường hợp đơn giản).

– Củng cố những hiểu biết ban đầu về : đo khối lượng với hai đơn vị đo thường gặp là ki-lô-gam và gam ; đo thời gian với các đơn vị đo thường gặp là giờ, phút, ngày, tháng, năm, biết sử dụng lịch và đồng hồ khi đo thời gian,

nhận biết bước đầu về thời điểm và khoảng thời gian ; sử dụng tiền Việt Nam trong sinh hoạt hàng ngày,...

– Có hiểu biết ban đầu về diện tích của một hình và đơn vị đo diện tích (chỉ giới thiệu  $\text{cm}^2$ ).

9) Biết thêm về hình chữ nhật và hình vuông, bao gồm :

Nhận biết các yếu tố của một hình (góc, cạnh, đỉnh) và đặc điểm của hình chữ nhật, hình vuông. Biết tính chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông. Biết tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

10) Bước đầu vận dụng các kiến thức, kĩ năng của môn Toán để giải quyết các vấn đề đơn giản thường gặp, chẳng hạn :

– Đọc và sắp xếp các số liệu (trong một bảng).

– Giải bài toán có lời văn (có không quá hai bước tính) trong đó có một số dạng bài toán như tìm một trong các phần bằng nhau của một số, gấp một số lên nhiều lần, giảm đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, so sánh số bé bằng một phần mấy số lớn, bài toán liên quan đến rút về đơn vị, bài toán có nội dung hình học,...

– Thực hành xác định góc vuông, góc không vuông bằng ê ke. Thực hành vẽ góc vuông, vẽ hình chữ nhật và hình vuông.

– Thực hành đo thời gian, đo khối lượng, đo dung tích, chuyển đổi và sử dụng tiền Việt Nam,...

*Thông qua các hoạt động dạy học toán ở lớp 3, GV tiếp tục giúp HS : Phát triển các năng lực tư duy (so sánh, lựa chọn, phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá), phát triển trí tưởng tượng không gian, tập nhận xét các số liệu thu thập được ; diễn đạt gọn, rõ, đúng các thông tin ; cẩn thận, chăm chỉ, tự tin, hứng thú trong học tập và thực hành toán.*

## B – CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN LỚP 3

I – Chương trình môn Toán ở lớp 3 là một bộ phận của chương trình môn Toán ở Tiểu học. Chương trình này tiếp tục thực hiện những đổi mới về giáo dục toán học ở các lớp 1 và 2 ; khắc phục một số tồn tại của dạy học toán các lớp 1, 2, 3 theo chương trình cũ ; góp phần thực hiện đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, nhằm đáp ứng những yêu cầu của giáo dục và đào tạo trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đầu thế kỉ XXI.

II – Thời lượng tối thiểu để dạy học toán ở lớp 3 là 5 tiết học trong mỗi tuần lễ, trung bình mỗi tiết học kéo dài 35 phút. Như vậy, thời lượng dạy học toán trong 35 tuần lễ ở lớp 3 gồm :

$$5 \times 35 = 175 \text{ (tiết)}$$

Hay là :  $35 \times 175 = 6125 \text{ (phút)}$ .

*Chú ý* : Tùy điều kiện cụ thể của từng lớp học, trường học, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động học tập trong mỗi tiết học toán kéo dài từ 35 đến 40 phút.

III – Dưới đây là nội dung chủ yếu của Chương trình môn Toán lớp 3

## **1. Số học**

### ***1.1. Phép nhân và phép chia trong phạm vi 1000 (tiếp)***

– Củng cố các bảng nhân với 2, 3, 4, 5 (tích không quá 50) và các bảng chia cho 2, 3, 4, 5 (số bị chia không quá 50). Bổ sung cộng, trừ các số có ba chữ số có nhớ không quá một lần.

– Lập các bảng nhân với 6, 7, 8, 9 (tích không quá 100) và các bảng chia cho 6, 7, 8, 9 (số bị chia không quá 100).

– Hoàn thiện các bảng nhân và các bảng chia.

– Nhân, chia ngoài bảng trong phạm vi 1000 : nhân số có hai, ba chữ số với số có một chữ số có nhớ không quá một lần ; chia số có hai, ba chữ số cho số có một chữ số. Chia hết và chia có dư.

– Thực hành tính : tính nhẩm trong phạm vi các bảng tính ; nhân nhẩm số có hai chữ số với số có một chữ số, không nhớ ; chia nhẩm số có hai chữ số cho số có một chữ số, không có dư ở từng bước chia,... ; củng cố về cộng, trừ, nhân, chia trong phạm vi 1000 theo các mức độ đã xác định.

– Làm quen với biểu thức số và giá trị của biểu thức. Giới thiệu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức số có đến hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.

– Giải các bài tập dạng :

"Tìm x, biết :  $a : x = b$  (với a, b là số trong phạm vi đã học)".

***1.2. Giới thiệu các số trong phạm vi 10 000.*** Giới thiệu về hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ; về đọc, viết, so sánh các số có đến bốn chữ số.

– Phép cộng và phép trừ có nhớ (không liên tiếp và không quá hai lần) trong phạm vi 10 000. Phép nhân số có đến bốn chữ số với số có một chữ số, có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần, tích không quá 10 000. Phép chia số có đến bốn chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).

– Tính giá trị của các biểu thức số có đến hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.

**1.3. Giới thiệu các số trong phạm vi 100 000.** Giới thiệu về hàng nghìn, hàng chục nghìn (vạn), hàng trăm nghìn ; về đọc, viết, so sánh các số có đến năm chữ số.

– Phép cộng và phép trừ có nhớ (không liên tiếp và không quá hai lần) trong phạm vi 100 000. Phép nhân số có đến năm chữ số với số có một chữ số có nhớ không liên tiếp và không quá hai lần, tích không quá 100 000. Phép chia số có đến năm chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).

– Tính giá trị của các biểu thức số có đến hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.

– Giới thiệu các phân bằng nhau của đơn vị (dạng  $\frac{1}{n}$  với  $n$  là các số tự nhiên từ 2 đến 9). Thực hành nhận biết các phân bằng nhau của đơn vị trên hình vẽ và trong trường hợp đơn giản.

– Giới thiệu bước đầu về chữ số La Mã.

## **2. Đại lượng và đo đại lượng**

– Bổ sung và lập bảng các đơn vị đo độ dài từ mi-li-mét đến ki-lô-mét. Nêu mối quan hệ giữa hai đơn vị tiếp liền nhau, giữa mét và ki-lô-mét, giữa mét và xăng-ti-mét, mi-li-mét. Thực hành đo và ước lượng độ dài.

– Giới thiệu diện tích của một hình và đơn vị đo diện tích : xăng-ti-mét vuông.

– Giới thiệu gam. Đọc, viết, làm tính với các số đo theo đơn vị gam. Giới thiệu  $1\text{kg} = 1000\text{g}$ .

– Ngày, tháng, năm. Thực hành xem lịch.

Phút, giờ. Thực hành xem đồng hồ, chính xác đến phút. Tập ước lượng khoảng thời gian trong phạm vi một số phút.

– Giới thiệu tiếp về tiền Việt Nam. Tập đổi tiền với các trường hợp đơn giản.

## **3. Yếu tố hình học**

– Giới thiệu góc vuông và góc không vuông. Giới thiệu ê ke. Vẽ góc bằng thước thẳng và ê ke.

– Giới thiệu đỉnh, góc, cạnh của hình đã học ; giới thiệu một số đặc điểm của hình chữ nhật, hình vuông.

– Tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông.

– Giới thiệu com pa. Giới thiệu tâm, bán kính và đường kính của hình tròn. Vẽ hình tròn bằng com pa.

– Thực hành vẽ trang trí hình tròn.

– Tính diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông.

#### **4. Yếu tố thống kê**

– Giới thiệu bảng số liệu đơn giản.

– Tập sắp xếp lại số liệu của bảng theo mục đích, yêu cầu cho trước.

#### **5. Giải bài toán**

– Giải các bài toán có đến hai bước tính với các mối quan hệ trực tiếp và đơn giản.

– Giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị và bài toán có nội dung hình học.

IV – Nội dung chương trình Toán 3 được cụ thể hoá thành nội dung các tiết học (bao gồm các tiết dạy học bài mới, các tiết luyện tập, thực hành, luyện tập chung, ôn tập) như sau :

#### **1. Ôn tập và bổ sung**

- Đọc, viết, so sánh các số có ba chữ số
- Cộng, trừ các số có ba chữ số (không nhớ)
- Luyện tập
- Cộng các số có ba chữ số (có nhớ một lần)
- Luyện tập
- Trừ các số có ba chữ số (có nhớ một lần)
- Luyện tập
- Ôn tập các bảng nhân
- Ôn tập các bảng chia
- Luyện tập
- Ôn tập về hình học

- Ôn tập về giải toán
- Xem đồng hồ
- Xem đồng hồ (tiếp theo)
- Luyện tập
- Luyện tập chung

## **2. Phép nhân và phép chia trong phạm vi 1000**

- Bảng nhân 6
- Luyện tập
- Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (không nhớ)
- Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (có nhớ)
- Luyện tập
- Bảng chia 6
- Luyện tập
- Tìm một trong các phân bằng nhau của một số
- Luyện tập
- Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số
- Luyện tập
- Phép chia hết và phép chia có dư
- Luyện tập
- Bảng nhân 7
- Luyện tập
- Gấp một số lên nhiều lần
- Luyện tập
- Bảng chia 7
- Luyện tập
- Giảm đi một số lần
- Luyện tập
- Tìm số chia
- Luyện tập
- Góc vuông, góc không vuông
- Thực hành nhận biết và vẽ góc vuông bằng ê ke

- Đề-ca-mét. Héc-tô-mét
- Bảng đơn vị đo độ dài
- Luyện tập
- Thực hành đo độ dài
- Thực hành đo độ dài (tiếp theo)
- Luyện tập chung
- Bài toán giải bằng hai phép tính
- Bài toán giải bằng hai phép tính (tiếp theo)
- Luyện tập
- Bảng nhân 8
- Luyện tập
- Nhân số có ba chữ số với số có một chữ số
- Luyện tập
- So sánh số lớn gấp mấy lần số bé
- Luyện tập
- Bảng chia 8
- Luyện tập
- So sánh số bé bằng một phần mấy số lớn
- Luyện tập
- Bảng nhân 9
- Luyện tập
- Gam
- Luyện tập
- Bảng chia 9
- Luyện tập
- Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số
- Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số (tiếp theo)
- Chia số có ba chữ số cho số có một chữ số
- Chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (tiếp theo)
- Giới thiệu bảng nhân
- Giới thiệu bảng chia



- Luyện tập
- Luyện tập chung
- Làm quen với biểu thức
- Tính giá trị của biểu thức
- Tính giá trị của biểu thức (tiếp theo)
- Luyện tập
- Tính giá trị của biểu thức (tiếp theo)
- Luyện tập
- Luyện tập chung
- Hình chữ nhật
- Hình vuông
- Chu vi hình chữ nhật
- Chu vi hình vuông
- Luyện tập
- Luyện tập chung

### **3. Các số đến 10 000**

- Các số có bốn chữ số
- Luyện tập
- Các số có bốn chữ số (tiếp theo)
- Các số có bốn chữ số (tiếp theo)
- Số 10 000 – Luyện tập
- Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng
- Luyện tập
- So sánh các số trong phạm vi 10 000
- Luyện tập
- Phép cộng các số trong phạm vi 10 000
- Luyện tập
- Phép trừ các số trong phạm vi 10 000
- Luyện tập
- Luyện tập chung
- Tháng – Năm



- Luyện tập
- Hình tròn, tâm, đường kính, bán kính.
- Vẽ trang trí hình tròn
- Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số
- Luyện tập
- Nhân số có bốn chữ số với số có một chữ số (tiếp theo)
- Luyện tập
- Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số
- Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số (tiếp theo)
- Chia số có bốn chữ số cho số có một chữ số (tiếp theo)
- Luyện tập
- Luyện tập chung
- Làm quen với chữ số La Mã
- Luyện tập
- Thực hành xem đồng hồ
- Thực hành xem đồng hồ (tiếp theo)
- Bài toán liên quan đến rút về đơn vị
- Luyện tập
- Luyện tập
- Tiền Việt Nam
- Luyện tập
- Làm quen với thống kê số liệu
- Làm quen với thống kê số liệu (tiếp theo)
- Luyện tập

#### **4. Các số đến 100 000**

- Các số có năm chữ số
- Luyện tập
- Các số có năm chữ số (tiếp theo)
- Luyện tập
- Số 100 000 – Luyện tập
- So sánh các số trong phạm vi 100 000

- Luyện tập
- Luyện tập
- Diện tích của một hình
- Đơn vị đo diện tích. Xăng-ti-mét vuông
- Diện tích hình chữ nhật
- Luyện tập
- Diện tích hình vuông
- Luyện tập
- Phép cộng các số trong phạm vi 100 000
- Luyện tập
- Phép trừ các số trong phạm vi 100 000
- Tiên Việt Nam
- Luyện tập
- Luyện tập chung
- Nhân số có năm chữ số với số có một chữ số
- Luyện tập
- Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số
- Chia số có năm chữ số cho số có một chữ số (tiếp theo)
- Luyện tập
- Luyện tập chung
- Bài toán liên quan đến rút về đơn vị (tiếp theo)
- Luyện tập
- Luyện tập
- Luyện tập chung

### **5. Ôn tập cuối năm học**

- Ôn tập các số đến 100 000
- Ôn tập các số đến 100 000 (tiếp theo)
- Ôn tập bốn phép tính trong phạm vi 100 000
- Ôn tập bốn phép tính trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)
- Ôn tập bốn phép tính trong phạm vi 100 000 (tiếp theo)
- Ôn tập về đại lượng

- Ôn tập về hình học
- Ôn tập về hình học (tiếp theo)
- Ôn tập về giải toán
- Ôn tập về giải toán (tiếp theo)
- Luyện tập chung
- Luyện tập chung
- Luyện tập chung

*Chú ý :*

– Sự cụ thể hoá chương trình môn Toán lớp 3 thành các tiết học là cơ sở quan trọng để biên soạn SGK Toán 3 và lập kế hoạch dạy học Toán 3, phân phối chương trình Toán 3.

– Khi lập kế hoạch dạy học Toán 3, GV cần căn cứ vào :

+ SGK Toán 3 và hướng dẫn phân phối chương trình Toán 3 của Bộ GD & ĐT (trong đó có hướng dẫn thực hiện một số tiết kiểm tra).

+ Điều kiện dạy học cụ thể của lớp học trong từng năm học để thực hiện chương trình Toán 3 phù hợp với từng đối tượng HS, từng nhà trường, từng địa phương.

## C – GIỚI THIỆU SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3

### I – GIỚI THIỆU CHUNG

SGK Toán 3 là tài liệu cụ thể hoá và chuẩn hoá nội dung chương trình Toán 3. Tài liệu này có thể giúp HS thực hiện các hoạt động học tập tích cực (tự phát hiện và giải quyết vấn đề ; tự chiếm lĩnh và thực hành, vận dụng kiến thức mới ; ...) với sự tổ chức và hướng dẫn hợp lí của GV, sự trợ giúp đúng mức của các thiết bị dạy học.

### II – HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA TOÁN 3

1. GV nên tạo điều kiện, khuyến khích HS thường xuyên sử dụng đúng mức SGK Toán 3 trong các khâu của các tiết dạy học toán.

2. SGK Toán 3 được biên soạn để có thể sử dụng được cho nhiều lượt HS, trong nhiều năm học. Vì vậy :

– Cần giáo dục cho HS ý thức giữ gìn, bảo quản SGK.

– GV cần linh hoạt khi hướng dẫn HS thực hiện các "lệnh" nêu trong các bài tập để HS không viết, vẽ, tô màu,... vào SGK.

– Ở những lớp có điều kiện, nên khuyến khích HS dùng vở bài tập Toán 3 (thay cho vở viết của HS) để tiết kiệm thời gian, tổ chức được nhiều hoạt động học tập và hoàn thành về cơ bản các nhiệm vụ học tập ngay trong từng tiết học.

### III – GIỚI THIỆU VỀ CÁC LOẠI TIẾT DẠY HỌC TRONG TOÁN 3

SGK Toán 3 được biên soạn thành các tiết học. Dưới đây là giới thiệu chung về từng loại tiết học :

#### **1. Tiết dạy học bài mới**

Gồm phần học bài mới (bài học) và phần các bài tập thực hành có ghi theo thứ tự bắt đầu từ số 1. Phần bài học thường đặt trong khung màu. Khác với SGK Toán 3 trước đây, phần bài học thường không nêu các kiến thức có sẵn mà thường chỉ nêu các tình huống có vấn đề (bằng hình ảnh hoặc câu gợi vấn đề...) để HS dựa vào đó mà thực hiện các hoạt động tự phát hiện, giải quyết vấn đề và tự xây dựng kiến thức mới (theo hướng dẫn của GV). Phần thực hành gồm 3 hoặc 4 bài luyện tập để củng cố kiến thức mới học. Các bài tập ở tiết dạy học bài mới thường là các bài luyện tập trực tiếp, đơn giản, giúp HS nắm được (hoặc thuộc được) bài học mới và bước đầu có kĩ năng thực hành, vận dụng kiến thức mới học.

#### **2. Tiết luyện tập, luyện tập chung, thực hành, ôn tập**

Gồm từ 3 đến 5 câu hỏi, bài tập sắp xếp theo thứ tự từ đơn giản đến phức tạp dần. Nói chung, mức độ các bài tập đều phù hợp với năng lực học tập của HS, kể cả các dạng bài tập mới, "bài tập mở". Một số bài tập trong nhiều tiết thực hành, luyện tập có thể chuyển thành các trò chơi học tập (thường ở cuối tiết học) nhằm thay đổi hình thức tổ chức dạy học, vừa giúp HS củng cố kĩ năng thực hành vừa gây hứng thú học tập.

Thời lượng dành cho thực hành, luyện tập trong dạy học Toán 3 (kể cả phần thực hành trong tiết dạy học bài mới) chiếm từ 60% đến 70% tổng thời lượng dạy học Toán 3. GV cần tận dụng đặc điểm này để tăng cường thực hành, giúp HS hình thành và phát triển các kĩ năng toán học, giải quyết về cơ bản các nhiệm vụ thực hành ngay trong các tiết học toán ở nhà trường.

Vì SGK biên soạn cho các đối tượng HS khác nhau nên GV cần lưu ý rằng : *Mọi HS không nhất thiết phải làm hết các bài tập nêu trong SGK ngay trong từng tiết học.* Đối với số đông HS chỉ cần làm và chữa các bài tập cơ bản,

vận dụng trực tiếp kiến thức mới ngay trong tiết học, không nên "chạy theo số lượng bài tập". Do đó, GV phải lựa chọn các bài tập quan trọng nhất, cần thiết nhất để HS làm và chữa bài theo năng lực của từng đối tượng HS, hết sức tránh gây những căng thẳng không cần thiết. Chỉ khi nào HS đã làm và chữa xong các bài tập dạng cơ bản và quan trọng, GV mới khuyến khích HS giải quyết tiếp các bài tập còn lại của SGK (ngay trong tiết học hoặc khi tự học).

### 3. Tiết kiểm tra

Nội dung của tiết kiểm tra không nêu trong SGK mà nêu trong Toán 3 – SGV. Nội dung này gồm các câu hỏi, các bài tập nhằm kiểm tra kết quả học toán của HS sau một số tiết học và luyện tập. GV có thể :

– Sử dụng nội dung của tiết kiểm tra để kiểm tra HS ứng với từng thời điểm kiểm tra quy định trong phân phối chương trình.

– Tự soạn đề kiểm tra theo đúng mức độ, nội dung, dạng bài,... đã gợi ý trong tiết kiểm tra của Toán 3 – SGV.

Cũng như SGK Toán 1 và Toán 2, SGK Toán 3 được biên soạn theo định hướng giúp GV (ở nơi có điều kiện thuận lợi) có thể chuyển nội dung từng tiết dạy học bài mới thành "phiếu học tập" ; có thể chuyển nội dung từng tiết thực hành, luyện tập thành "phiếu thực hành" hoặc "phiếu luyện tập" để GV và HS thực hiện *dạy học trên cơ sở tổ chức các hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo, nâng cao hiệu quả dạy và học* với sự hỗ trợ của các phiếu học tập, phiếu luyện tập,...

Mặc dù tập thể các tác giả đã cố gắng lựa chọn các nội dung thực tế gần gũi với trẻ em Việt Nam, tích hợp được nhiều lĩnh vực giáo dục trong SGK Toán 3, nhưng GV vẫn nên chủ động cập nhật các số liệu, thay thế một số tranh ảnh, hình vẽ, nội dung thực tế trong các bài toán có lời văn,... cho phù hợp với đặc điểm địa phương, phù hợp với chương trình môn học và không làm biến dạng nội dung cơ bản của môn Toán lớp 3.

## IV – GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN 3

Định hướng chung của PPDH Toán 3 là *dạy học trên cơ sở tổ chức và hướng dẫn các hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo của HS*. Cụ thể là GV phải tổ chức, hướng dẫn cho HS hoạt động với sự trợ giúp đúng mức của SGK Toán 3 và của các đồ dùng dạy và học, để từng HS (hoặc từng nhóm HS) tự phát hiện và chiếm lĩnh nội dung học tập rồi thực hành, vận dụng các nội dung đó theo năng lực cá nhân của HS.

Ngoài các PPDH đã sử dụng khi dạy học toán ở lớp 1 và lớp 2, đến lớp 3 còn phải sử dụng các PPDH giúp HS tập nêu các nhận xét hoặc các quy tắc ở dạng khái quát nhất định. Đây là cơ hội phát triển năng lực trừu tượng hoá, khái quát hoá trong học toán ở cuối giai đoạn các lớp 1, 2, 3 ; đồng thời tiếp tục phát triển khả năng diễn đạt của HS theo mục tiêu của môn Toán ở tiểu học.

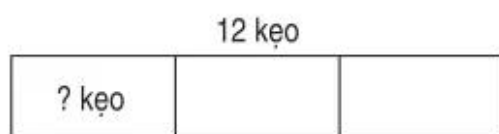
Dưới đây là giới thiệu chung về sự vận dụng các định hướng nêu trên trong dạy học các dạng bài cụ thể của SGK Toán 3.

### 1. Phương pháp dạy học bài mới

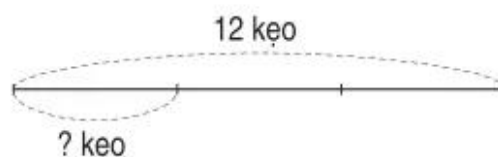
a) Giúp HS tự phát hiện và tự giải quyết vấn đề của bài học.

– GV hướng dẫn HS tự phát hiện vấn đề của bài học rồi giúp HS sử dụng kinh nghiệm của bản thân để tìm mối quan hệ của vấn đề đó với các kiến thức đã biết (đã học được ở trường, trong đời sống...), từ đó tự tìm cách giải quyết vấn đề.

*Ví dụ* : Khi dạy bài : "Tìm một trong các phần bằng nhau của một số" GV có thể hướng dẫn HS tự nêu bài toán : "Chị có 12 cái kẹo, chị cho em  $\frac{1}{3}$  số kẹo đó. Hỏi chị cho em mấy cái kẹo ?". Nên gọi vài HS nhắc lại rồi nêu tóm tắt bài toán (bằng lời, bằng viết, bằng hình vẽ). Đây là quá trình giúp HS nhận ra vấn đề của bài học, chẳng hạn, đó là tìm  $\frac{1}{3}$  của 12 cái kẹo, hay tìm xem  $\frac{1}{3}$  của 12 cái kẹo gồm mấy cái kẹo. Để giải quyết vấn đề này HS phải liên hệ tới "biểu tượng về một phần ba" đã học, rồi từ đó nêu tóm tắt bài toán bằng hình vẽ hoặc bằng sơ đồ (xem hình 1 và hình 2).



Hình 1



Hình 2

Nếu HS đã tự tóm tắt bài toán hoặc hiểu được cách tóm tắt như trên thì có thể tự tìm được cách giải bài toán, tức là có thể tự giải quyết vấn đề của bài học.

– Khuyến khích HS (dựa vào tóm tắt bài toán như hình 1 hoặc hình 2) để nêu cách giải quyết vấn đề.

*Ví dụ* : HS nêu : Để tìm  $\frac{1}{3}$  của 12 cái kẹo ta chia 12 cái kẹo thành 3 phần bằng nhau ( $12 : 3 = 4$  (cái kẹo)). Mỗi phần bằng nhau đó là  $\frac{1}{3}$  số kẹo.

– Giúp HS trình bày cách giải quyết vấn đề (trong ví dụ nêu trên là trình bày bài giải của bài toán như SGK Toán 3).

b) Giúp HS tập khái quát hoá (theo mức độ phù hợp) cách giải quyết vấn đề để tự chiếm lĩnh kiến thức mới.

Từ lớp 3, có thể yêu cầu HS nêu "quy tắc khái quát" để vừa chiếm lĩnh kiến thức mới vừa tập dượt khái quát hoá theo mức độ phù hợp với HS lớp 3.

*Ví dụ* : Sau khi HS đã giải bài toán (trong ví dụ nêu trên) GV có thể hỏi, chẳng hạn : "Muốn tìm  $\frac{1}{3}$  của một số, ta làm thế nào ?". Nếu HS đã trả lời đúng thì GV có thể cho HS khác nhắc lại rồi trả lời tiếp các câu hỏi tương tự : "Muốn tìm  $\frac{1}{2}$  của một số, ta làm thế nào ?", "Muốn tìm  $\frac{1}{4}$  (hoặc  $\frac{1}{6}$ ) của một số, ta làm thế nào ?",... Có thể cho HS thực hành để kiểm tra câu trả lời bằng cách GV nêu bài toán (tương tự) rồi cho HS giải bài toán để khẳng định sự đúng đắn của "quy tắc khái quát" vừa nêu. Chẳng hạn, "Chị có 12 cái kẹo, chị cho em  $\frac{1}{4}$  số kẹo đó. Hỏi chị cho em mấy cái kẹo ?"...

*Chú ý* : Với trình độ của số đông HS lớp 3, nên nêu các câu hỏi tương tự như trên, chưa nên hỏi, chẳng hạn : "Muốn tìm một trong các phần bằng nhau của một số, ta làm như thế nào ?"...

c) Hướng dẫn HS thiết lập mối quan hệ giữa kiến thức mới và các kiến thức có liên quan đã học.

– Mỗi kiến thức mới đều đã có một quá trình làm quen để chuẩn bị (ở dạng trực quan, đơn giản, cụ thể,...). Chẳng hạn, để học bài : "Tìm một trong các phần bằng nhau của một số", Toán 2 và Toán 3 đã chuẩn bị cho HS tìm  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{1}{3}$ ,  $\frac{1}{4}$ ,  $\frac{1}{5}$ ,  $\frac{1}{6}$ ,... bằng sử dụng hình vẽ và các thao tác theo kinh nghiệm trong đời sống của HS với sự hỗ trợ của bảng chia đã học (như tô màu vào  $\frac{1}{2}$  số ô vuông, khoanh vào  $\frac{1}{3}$  số viên bi,...). Vì vậy, khi phải tìm  $\frac{1}{3}$  của 12 cái kẹo, HS nhớ lại những điều đã học (nêu trên) và nhận ra phải lấy 12 cái kẹo chia thành 3 phần bằng nhau, mỗi phần đó là  $\frac{1}{3}$  của 12 cái kẹo. Nhưng bài học không chỉ dừng ở mức độ đó mà đòi hỏi HS phải biết tìm  $\frac{1}{3}$  của một số bất kì (đương nhiên số đó thuộc phạm vi các số đã học và chia hết cho 3),



rồi tiến tới phải biết tìm  $\frac{1}{2}$ ,  $\frac{1}{4}$ ,  $\frac{1}{6}$ , ... của một số bất kì (như trên). Như thế, từ các trường hợp cụ thể, riêng lẻ, trực quan, HS được tự mình tìm ra cái khái quát, trừu tượng, cái chung bao gồm những trường hợp cụ thể đã học.

– Khả năng ứng dụng của kiến thức mới được thể hiện bằng thực hành, vận dụng kiến thức đó để giải quyết các vấn đề cụ thể, riêng lẻ. Thông qua các bài thực hành trong tiết học bài mới, HS có điều kiện vận dụng kiến thức mới vào các trường hợp cụ thể, riêng lẻ. Đây là cơ hội để củng cố kiến thức mới, rèn luyện kĩ năng thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến kiến thức mới.

Hai quá trình trên đã thiết lập mối quan hệ giữa kiến thức mới và các kiến thức có liên quan đã học, tạo ra sự hỗ trợ, củng cố lẫn nhau trong quá trình phát triển nhận thức của HS, giúp HS học liên hệ với hành, không chỉ "học để biết" mà còn "học để làm", học để giải quyết các vấn đề của đời sống.

d) Giúp HS phát triển trình độ tư duy và khả năng diễn đạt bằng lời, bằng hình ảnh, bằng kí hiệu,...

Quá trình học bài mới như đã nêu ở trên đã góp phần phát triển tư duy của HS (tăng cường năng lực trừu tượng hoá, khái quát hoá,...) và giúp HS rèn luyện khả năng diễn đạt vấn đề bằng lời, bằng sơ đồ hoặc hình vẽ, bằng hệ thống kí hiệu,...

Tuy nhiên, GV phải căn cứ vào trình độ chung của lớp học mà phát triển đúng mức các năng lực học tập của HS. *Hết sức hạn chế những áp đặt hoặc đòi hỏi vượt quá sự cố gắng của HS.*

## **2. Phương pháp dạy thực hành, luyện tập**

Mục tiêu dạy thực hành, luyện tập (thông qua các câu hỏi, bài tập trong tiết dạy bài mới, trong các tiết luyện tập, thực hành, luyện tập chung, ôn tập) là củng cố các kiến thức HS mới chiếm lĩnh được, hình thành các kĩ năng thực hành và từng bước phát triển tư duy của HS. Các bài thực hành, luyện tập thường sắp xếp theo thứ tự từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, từ thực hành trực tiếp đến vận dụng một cách tổng hợp và linh hoạt hơn.

Có thể dạy thực hành, luyện tập như sau :

a) Giúp HS nhận ra kiến thức mới (hoặc kiến thức đã học) trong nội dung các bài tập đa dạng, phong phú.

Nếu HS tự đọc (quan sát) đề bài và tự nhận ra dạng bài tương tự các kiến thức đã học trong mối quan hệ cụ thể của nội dung bài tập thì HS sẽ biết cách

làm bài. Nếu HS chưa nhận ra được kiến thức đã học trong bài tập thì GV nên giúp HS bằng gợi ý, hướng dẫn để HS nhớ lại kiến thức, cách làm (hoặc để HS khác giúp các bạn nhớ lại), *không nên vội làm thay HS*.

Chẳng hạn, khi giải các bài toán có lời văn ở lớp 3, GV nên yêu cầu HS tóm tắt đề toán (bằng lời, bằng viết ngắn gọn, bằng hình vẽ, sơ đồ,...) để giúp HS tìm ra mối quan hệ giữa các tư liệu trong bài toán, từ đó nhớ lại dạng bài tương tự đã học và nhận ra kiến thức cần sử dụng để giải bài toán.

b) Giúp HS tự thực hành, luyện tập theo khả năng của HS.

– Bao giờ cũng yêu cầu HS phải làm các bài tập theo thứ tự đã sắp xếp trong SGK (hoặc do GV sắp xếp), không tự ý bỏ qua bài tập nào, kể cả các bài HS cho là dễ. (Các bài tập số 1, số 2 thường là bài củng cố trực tiếp kiến thức đã học).

– Không nên bắt HS phải chờ đợi nhau trong quá trình làm bài. HS làm được bài nào nên tự kiểm tra (hoặc nhờ GV kiểm tra) rồi chuyển sang làm bài tập tiếp theo.

Trong cùng một khoảng thời gian của tiết học, phải chấp nhận có HS làm được nhiều bài tập hơn HS khác. GV hãy giúp HS (chủ yếu là HS học yếu) cách làm bài, không làm thay HS ; hãy giúp HS khá, giỏi làm được càng nhiều bài (trong SGK, trong vở bài tập Toán 3) càng tốt. Tuy nhiên, dù làm được ít hay nhiều cũng đều phải làm đúng, trình bày gọn, rõ ràng và cố gắng tìm được cách giải quyết hợp lí.

c) Tạo ra sự hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các đối tượng HS.

– Tăng cường cho HS trao đổi ý kiến trong nhóm nhỏ, trong cả lớp về cách giải hoặc các cách giải một bài tập. Nên khuyến khích HS bình luận về cách giải của bạn, tự rút kinh nghiệm để hoàn chỉnh cách giải của mình.

– Sự hỗ trợ giữa các HS trong nhóm phải giúp HS tự tin vào khả năng của bản thân, tự rút kinh nghiệm về cách học của mình và tự sửa chữa, điều chỉnh những thiếu sót của bản thân.

d) Khuyến khích HS tự kiểm tra kết quả thực hành, luyện tập.

– Tập cho HS thói quen tự kiểm tra xem có làm nhầm, làm sai,... sau mỗi bài đã làm được.

– Trong một số trường hợp có thể hướng dẫn HS tự đánh giá bài làm của mình hoặc của bạn bằng điểm rồi báo cho GV.

– Khuyến khích HS tự nêu những hạn chế trong bài làm của mình hoặc của bạn.



Một vấn đề cần lưu ý GV là : Hiện nay, trong nhiều tiết học ở tiểu học, HS chưa quen đặt câu hỏi cho GV, thường chỉ trả lời câu hỏi của GV. Các GV hãy tìm mọi cách khuyến khích giúp HS mạnh dạn đặt câu hỏi ở trong lớp (khi cần thiết).

### **3. Vấn đề soạn bài của GV**

GV dạy học theo chương trình Tiểu học mới đã có SGK, tài liệu hướng dẫn dạy học từng cuốn SGK, tài liệu tập huấn dạy học từng môn học ở từng lớp,... Vì vậy, không nhất thiết phải yêu cầu GV soạn bài một cách chi tiết. Tuy nhiên, việc chuẩn bị bài (hay soạn bài) vẫn rất cần thiết. Năm học 1998 – 1999 Ban Chỉ đạo thử nghiệm CTTH – 2000 đã hướng dẫn các GV soạn bài bằng cách *lập kế hoạch dạy học từng tiết* (hoặc từng bài). Về thực chất, đó là lập kế hoạch tổ chức, hướng dẫn HS hoạt động học tập tích cực nhằm đạt các mục tiêu dạy học một bài cụ thể của môn học. Theo nhận xét của nhiều GV đã thực hiện soạn bài kiểu mới này thì làm được như vậy sẽ giúp cho GV có một kế hoạch dạy học gọn gàng, sáng sủa, dễ sử dụng, dễ bổ sung, dễ điều chỉnh và tiết kiệm được thời gian. Sử dụng kế hoạch dạy học này GV sẽ chủ động, linh hoạt trong tổ chức và hướng dẫn HS hoạt động học tập tích cực.

Mỗi kế hoạch dạy học từng tiết học thường có :

- *Mục tiêu* : Nêu những gì GV cần giúp HS đạt được trong tiết dạy học cụ thể.
- *Đồ dùng dạy học* : Nêu các đồ dùng dạy học của GV, đặc biệt là đồ dùng học tập cần thiết nhất của HS.
- *Các hoạt động dạy học chủ yếu* : Nêu kế hoạch tổ chức và hướng dẫn từng hoạt động học tập của HS để đạt được mục tiêu đã xác định. Cần nêu rõ tên từng loại hoạt động, cách tiến hành các hoạt động đó, dự kiến trình tự các hoạt động,... Các hoạt động dạy học này thường bao gồm : kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, dạy học bài mới (nếu có), thực hành, luyện tập, củng cố (bài đã học), các hoạt động nối tiếp (làm, học bài khi tự học hoặc chuẩn bị cho bài sau,...). Khi dạy học, GV có thể linh hoạt triển khai các hoạt động này theo mức độ, quy trình phù hợp với điều kiện cụ thể của lớp học.

Trong Toán 3 – SGK có nêu các hướng dẫn dạy học từng tiết học để GV tham khảo và sử dụng. Tuy nhiên, không nhất thiết phải thực hiện đúng như tài liệu này. Khi chuẩn bị kế hoạch dạy học từng tiết học, GV căn cứ vào nội dung SGK, vào trình độ học tập của HS trong lớp, tùy theo thói quen, kinh nghiệm của GV mà có thể chuẩn bị ở các mức độ cụ thể và chi tiết khác nhau. Điều quan trọng là kế hoạch này giúp GV dạy học có hiệu quả. Cần tránh chủ nghĩa hình thức trong soạn bài.

## D - ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TOÁN 3

### 1. Tóm tắt chuẩn kiến thức và kỹ năng của môn Toán lớp 3

Học hết Toán 3, HS phải đạt được trình độ học tập tối thiểu như sau :

1) Về phép đếm : Biết đếm đến 100 000, bao gồm :

– Đếm lần lượt từ 1 đến một số nào đó, chẳng hạn :

$$1 ; 2 ; 3 ; \dots ; 200.$$

– Điền hai số tiếp theo trong một dãy số, chẳng hạn :

$$2005 ; 2010 ; 2015 ; \dots ; \dots .$$

$$14\ 300 ; 14\ 400 ; 14\ 500 ; \dots ; \dots .$$

2) Về đọc, viết các số đến 100 000 :

– Biết đọc, viết các số đến 100 000, trong đó có :

+ Viết, đọc bằng chữ và chữ số theo các hàng đơn vị.

+ Nhận biết giá trị theo vị trí của các chữ số trong một số.

– Biết phân tích số theo các hàng đơn vị và ngược lại, chẳng hạn :

$$1999 = 1000 + 900 + 90 + 9$$

$$1000 + 900 + 90 + 9 = 1999$$

– Biết xác định số liền trước, số liền sau của một số.

– Biết đọc, viết "các phần bằng nhau của đơn vị", chẳng hạn :

$$\frac{1}{2}, \frac{1}{3}, \frac{1}{9}.$$

3) Về nhận biết số lượng :

– Biết xác định số lượng của nhóm đối tượng (chủ yếu bằng phép đếm).

– Biết xác định một trong các phần bằng nhau của một số (các trường hợp đơn giản đã học).

4) Về so sánh số lượng :

– Biết sử dụng cấu tạo thập phân của số và giá trị theo vị trí của các chữ số để so sánh các số có đến năm chữ số.

– Biết xác định số bé nhất, số lớn nhất trong một nhóm có đến bốn số cho trước.



– Biết sắp xếp các số có bốn hoặc năm chữ số, nhiều nhất là bốn số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc ngược lại.

– Biết xác định số lớn gấp bao nhiêu lần số bé.

5) Về phép cộng và phép trừ trong phạm vi 100 000 :

– Biết đặt tính và làm tính cộng, trừ các số có đến năm chữ số, không nhớ hoặc có nhớ không quá hai lần và không liên tiếp.

– Biết cộng, trừ nhẩm trong phạm vi các bảng cộng, trừ và một số trường hợp đơn giản như :

+ Cộng, trừ các số tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn.

+ Cộng, trừ các số có hai chữ số (không nhớ).

– Biết sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả phép tính để tìm một thành phần chưa biết của phép cộng, phép trừ.

6) Về phép nhân và phép chia trong phạm vi 100 000 :

– Thuộc các bảng nhân, bảng chia đã học.

– Biết đặt tính và làm tính nhân số có đến bốn chữ số với số có một chữ số, có nhớ không quá hai lần và không liên tiếp ; chia số có đến bốn chữ số cho số có một chữ số (chia hết hoặc chia có dư).

– Biết đặt tính và làm tính nhân số có năm chữ số với số có một chữ số, có nhớ không quá hai lần và không liên tiếp ; chia số có năm chữ số cho số có một chữ số (chia hết hoặc chia có dư).

– Biết nhân, chia nhẩm trong phạm vi các bảng nhân, bảng chia và trong một số trường hợp đơn giản thường gặp, chẳng hạn :

$$600 \times 3, \quad 900 : 3, \quad \dots$$

$$6000 \times 3, \quad 9000 : 3, \quad \dots$$

$$60000 \times 3, \quad 90000 : 3, \quad \dots$$

– Biết sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính để tìm một thành phần chưa biết của phép nhân, phép chia.

7) Về tính giá trị của biểu thức số :

Thuộc quy tắc và tính đúng giá trị của các biểu thức số có đến hai dấu phép tính, có hoặc không có dấu ngoặc.

8) Về đại lượng và đo đại lượng :

– Biết mối quan hệ của một số đơn vị đo độ dài, đo khối lượng, đo thời gian thường dùng hàng ngày, như :

$$1\text{km} = 1000\text{m}$$

$$1\text{kg} = 1000\text{g}$$

$$1\text{giờ} = 60\text{phút}$$

$$1\text{m} = 100\text{cm}$$

$$1\text{m} = 1000\text{mm}$$

– Biết đọc, viết, chuyển đổi số đo độ dài có hai tên đơn vị đo thành số đo có một tên đơn vị đo, chẳng hạn :

$$5\text{m } 25\text{cm} = 525\text{cm}$$

$$1\text{km } 400\text{m} = 1400\text{m}.$$

– Biết sử dụng thước mét, cân đồng hồ, đồng hồ, lịch để xác định độ dài, khối lượng, thời điểm (giờ và phút, ngày trong tuần, ngày trong tháng) trong những trường hợp đơn giản thường gặp.

– Biết  $\text{cm}^2$  là đơn vị đo diện tích.

9) Về các yếu tố hình học :

– Nhận biết một số đặc điểm của một số hình : góc vuông, góc không vuông, hình chữ nhật (có 4 góc vuông, có 2 cạnh dài bằng nhau và 2 cạnh ngắn bằng nhau), hình vuông (có 4 góc vuông và 4 cạnh bằng nhau), hình tròn (có tâm, bán kính, đường kính).

– Biết tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông.

– Biết tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.

10) Về giải bài toán :

– Biết giải và trình bày bài giải bài toán có đến hai bước tính.

– Biết giải và trình bày bài giải một số dạng bài toán như : Tìm một trong các phần bằng nhau của một số, bài toán liên quan đến rút về đơn vị,...

## **2. Bước đầu đổi mới đánh giá kết quả học tập Toán 3**

Đổi mới đánh giá kết quả học tập Toán 3 là một quá trình lâu dài và đòi hỏi phải đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức đánh giá và cách soạn đề kiểm tra.

1) Đổi mới mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả học tập phải góp phần thực hiện :

– Giáo dục toàn diện : Thể hiện ở đánh giá đầy đủ những kiến thức, kỹ năng cơ bản của Toán 3 theo chuẩn đã xác định, có chú ý đến việc tích hợp các nội dung giáo dục khác trong quá trình kiểm tra thường xuyên và định kì.

– Đổi mới phương pháp dạy học : Thể hiện ở việc tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích HS hoạt động học tập chủ động, tích cực, sáng tạo, theo năng lực của cá nhân.



– Động viên HS chăm học, học tập theo phương pháp hợp lí, tự tin, hứng thú trong việc học và thực hành luyện tập.

– Tiến tới việc đánh giá khách quan, công bằng, sử dụng các phương tiện kĩ thuật trong quá trình đánh giá và xử lí kết quả đánh giá.

#### 2) Đổi mới nội dung đánh giá

– Nội dung đánh giá phải toàn diện (bao gồm các kiến thức, kĩ năng cơ bản về số học, đại lượng, hình học, giải toán có lời văn trong Toán 3).

– Nội dung đánh giá phải bao gồm cả ba mức độ : Nhận biết, hiểu, vận dụng các kiến thức và kĩ năng về số, đại lượng, hình học. Số lượng các câu hỏi, bài tập của từng mức độ nội dung được cân nhắc, lựa chọn cho phù hợp với chuẩn kiến thức và kĩ năng của Toán 3, thời lượng mỗi bài kiểm tra và trình độ chung của HS lớp 3 ở từng trường, từng địa phương.

#### 3) Đổi mới hình thức đánh giá

– Khuyến khích GV sử dụng các hình thức đánh giá như : kiểm tra viết, vấn đáp, tự đánh giá của HS.

– Phối hợp kiểm tra thường xuyên và định kì : Trong kế hoạch dạy học từng bài, GV nên căn cứ vào kết quả dạy học của tiết học trước mà chuẩn bị nội dung kiểm tra và kiểm tra vào thời điểm thích hợp của tiết học sau. Không nhất thiết phải kiểm tra bài cũ vào đầu tiết học. Nói chung, tiết học nào cũng nên có kiểm tra (bài cũ, kết quả học tập bài mới,...). Các bài kiểm tra định kì đã ghi trong phân phối chương trình đều có giới thiệu đề bài trong Toán 3 – SGK để GV tham khảo.

#### 4) Về đề kiểm tra

– Khi xây dựng (biên soạn) đề kiểm tra phải tuân thủ các nguyên tắc : Đúng chuẩn ; sắp xếp các câu hỏi, bài tập theo thứ tự từ dễ đến khó ; có đủ các dạng bài đại diện cho các kiến thức và kĩ năng cơ bản nhất ; dễ chấm điểm và cộng điểm ; HS có thể làm được bài trong thời gian quy định nhưng không dễ dàng đạt điểm 10 ; phân loại chính xác trình độ HS.

– Trong Toán 3 đã giới thiệu các dạng câu hỏi, bài tập trắc nghiệm như : Nối cặp đôi ; điền, thế và nhiều lựa chọn (có từ hai đến bốn lựa chọn),.... Cùng với các bài tập tự luận, các bài tập dạng trắc nghiệm sẽ góp phần làm cho bài kiểm tra thêm đa dạng (về dạng bài) và toàn diện (về nội dung).

Đặc biệt, từ Toán 2 lần đầu tiên HS được làm quen với các bài tập trắc nghiệm có ba hoặc bốn lựa chọn, trong đó chỉ có một lựa chọn đúng (một câu trả lời hoặc một đáp số đúng) còn những lựa chọn kia đều sai, nhưng mỗi câu trả lời sai hoặc

đáp số sai đều "có lí" nghĩa là chúng phải là những sai lầm mà HS thường mắc phải. Đây là sự chuẩn bị để cuối lớp 3 và cuối lớp 5 HS có thể tham gia kiểm tra định kì trong một vùng (hoặc cả nước) theo công cụ đánh giá mới.

– Trong Toán 3 – SGK có giới thiệu một số đề kiểm tra, GV có thể dùng các đề này để kiểm tra kết quả học tập của HS sau mỗi giai đoạn dạy học thích hợp. GV cũng có thể tham khảo các đề này để biên soạn các đề kiểm tra tương tự về nội dung và mức độ,...

Khi hướng dẫn chấm bài kiểm tra, cần lưu ý rằng : Trong tổng số điểm của bài kiểm tra là 10 điểm thì phải dành cho các nội dung cơ bản, trọng tâm của chương trình đến 9 điểm. Đề kiểm tra có thể có bài tập khó hơn mức của chuẩn nhưng tổng số điểm dành cho bài tập ở mức này không nên nhiều hơn 1 điểm.

5) Chú ý : Cùng với những hướng dẫn đổi mới đánh giá như trên, GV cần thực hiện hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của HS theo các quy định mới của Bộ GD & ĐT.